

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST

Ngày 13 – 3 – 2025

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hồ Lệ Hoa

Ông Phan Minh Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hữu Kim - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phùng Huỳnh T, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- Bị đơn: Anh Trần Văn T1, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị Phùng Huỳnh T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T1 tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 27/11/2013 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã nhau. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh T1 được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị T xác định chị và anh T1 không có con chung.

Về tài sản chung: Chị T xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản làm việc ngày 25/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình bị đơn anh Trần Văn T1 trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T vào ngày 27/11/2013, trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nên đã ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay, anh T1 xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Anh T1 xác định không có.

Về tài sản và nợ chung: Anh T1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là đúng, phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị T cho chị T được ly hôn với anh T1; Về con chung, về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Văn T1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T1.

[2] Về hôn nhân: Chị T với anh T1 tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn. Tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, thì mối quan hệ hôn nhân giữa chị Phùng Huỳnh T với anh Trần Văn T1 được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị T xác định trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và vợ chồng đã ly thân nhau. Tại phiên tòa chị T xác định không còn tình cảm với anh T1 và cũng không thể tiếp tục chung sống với anh T1 được nữa nên vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh T1; đối với anh T1 tại biên bản làm việc với Tòa án vào ngày 25/02/2025 anh T1 xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị T cho chị T được ly hôn với anh T1.

[3] Về con chung: Chị T và anh T1 đều xác định không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh T1 đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phùng Huỳnh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Huỳnh Trinh . Cho chị Phùng Huỳnh T được ly hôn với anh Trần Văn T1.

2. Về án phí: Chị Phùng Huỳnh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0016826 ngày 11/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- CCTHADS huyện T;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã T, huyện T;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tiêu Hồng Phụng